

Bản án số: 30/2023/DS-PT
Ngày: 10 - 3 - 2023
“V/v tranh chấp
quyền sử dụng đất (ranh đất)”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Dũng

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thành Đăng
Ông Phạm Trường Thọ

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Thanh Hưng - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long: Ông Phan Thanh Hào - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 10 tháng 3 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 193/2022/TLPT-DS ngày 16 tháng 8 năm 2022 về “*Tranh chấp quyền sử dụng đất (ranh đất)*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 53/2022/DS-ST ngày 07 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện LH, tỉnh Vĩnh Long bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 18/2023/QĐ-PT ngày 03 tháng 02 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Đỗ NQ, sinh năm 1984. Người đại diện của chị Quỳnh theo bản ủy quyền ngày 22/8/2022: Bà Trương TA, sinh năm 1960. Địa chỉ: ấp PL, xã PH, huyện LH, tỉnh Vĩnh Long.

2. Bị đơn: Bà Đỗ NY, sinh năm 1955. Người đại diện của bà Ý theo văn bản ủy quyền ngày 15/3/2022: Ông Văn HT, sinh năm 1976. Địa chỉ: ấp PL, xã PH, huyện LH, tỉnh Vĩnh Long.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1 Ông Văn CH, sinh năm 1949. Người đại diện của ông Hoàng theo văn bản ủy quyền ngày 02/3/2021: Bà Đỗ NY. Địa chỉ: ấp PL, xã PH, huyện LH, tỉnh Vĩnh Long.

3.2 Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Lê CL, sinh năm 1971 (chết ngày 11/11/2022), gồm có:

3.2.1. Ông Lê VL, sinh năm 1950.

3.2.2. Bà Võ TĐ, sinh năm 1951.

Cùng địa chỉ: ấp PL, xã PH, huyện LH, Vĩnh Long.

3.2.3. Bà Đỗ Thị DC, sinh năm 1973.

3.2.4. Anh Lê QC, sinh năm 2001

Cùng địa chỉ: số 16, Hoàng HT, khóm 5, phường 2, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

- Người kháng cáo: Chị Đỗ NQ, là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 19/01/2021 của nguyên đơn là chị Đỗ NQ và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Cuối năm 2019 chị Đỗ NQ có nhận chuyển nhượng phần đất của ông Lê CL. Chị Đỗ NQ đã hoàn tất thủ tục chuyển nhượng và được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Long cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 29/4/2020 đối với thửa đất số 954, tờ bản đồ số 3, diện tích 272m² đất trồng cây lâu năm, tọa lạc ấp PL, xã PH, huyện LH, tỉnh Vĩnh Long.

Thửa 954 của chị Quỳnh giáp với các thửa đất số 3028 diện tích 56,2m², thửa 3030 diện tích 52,4m², thửa 3032 diện tích 125,5m² đều thuộc tờ bản đồ số 2 (thửa đất mới là 23), loại đất ở và đất trồng cây lâu năm, do bà Đỗ NY đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Khi chị Quỳnh nhận chuyển nhượng đất của ông Lê CL thì ranh đất giữa hai bên có hai trụ ranh bằng bê tông ở hai đầu (theo lời ông Lê CL thì hai trụ ranh này đã được cắm từ năm 1992 đến nay không thay đổi), ông Long chỉ ranh đất và chỉ cho cán bộ đo đạc đo kéo từ trụ ranh đầu và trụ ranh cuối qua giao đủ đất cho chị Quỳnh và chị Quỳnh thấy hình thể đất trên giấy là một đường thẳng nên nghĩ nhà của bà Ý không lẹm qua phần đất chị Quỳnh mua. Chị Quỳnh định xây dựng hàng rào thì phát hiện phần đất thửa 954 bị phía bà Ý lấn chiếm sử dụng khoảng 24m² (ngang khoảng 1,2m, dài khoảng 20m) nên phát sinh tranh chấp.

Chị Đỗ NQ khởi kiện yêu cầu bà Ý trả lại chị Quỳnh phần đất lấn chiếm khoảng 24m². Nguyên đơn yêu cầu bà Đỗ NY trả lại chị Quỳnh giá trị phần đất lấn chiếm 21m² thuộc thửa 954, tờ bản đồ số 3, diện tích 272m², loại đất trồng cây lâu năm, tọa lạc ấp PL, xã PH, huyện LH, tỉnh Vĩnh Long, với giá là 3.000.000 đồng/m².

Bị đơn bà Đỗ NY trình bày:

Bà Đỗ NY đứng tên thửa đất số 3028 diện tích 56,2m², thửa 3030 diện tích 52,4m², thửa 3032 diện tích 125,5m² đều thuộc tờ bản đồ số 2 (thửa đất mới là 23), loại đất ở và đất trồng cây lâu năm, tọa lạc ấp PL, xã PH, huyện LH, tỉnh Vĩnh Long, được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2013. Nguồn gốc đất là của cha ruột ông Đỗ Văn Phi tặng cho. Giáp với thửa đất của bà là thửa

đất số 5 do ông Lê CL đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ranh đất của bà và ông Long đã sử dụng ổn định mấy chục năm nay, bà và ông Long thỏa thuận trụ ranh phía ngoài tới vách nhà bà Ý, tới cây cột cuối của nhà bà Ý làm ranh, tới trụ sau cùng, giữa ranh đất của bà Ý và ông Long không phải là đường thẳng mà có các điểm như bà Ý trình bày, vì bà Ý đã cất nhà và sử dụng ổn định từ năm 1996.

Đến năm 2020 chị Đỗ NQ nhận chuyển nhượng một phần thửa số 5 của ông Long và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 954, khi chị Quỳnh nhận chuyển nhượng đất thì bà Ý không hay biết và không có tiến hành đo đạc để xác định ranh đất với bà Ý. Chị Quỳnh cho rằng bà Ý lấn chiếm đất vì ranh đất chị Quỳnh nhận chuyển nhượng từ ông Long giáp ranh đất với bà Ý là một đường thẳng giữa trụ đầu và trụ cuối là không đúng. Bà Ý không đồng ý yêu cầu khởi kiện của chị Quỳnh, vì bà không lấn chiếm đất của chị Quỳnh.

Ông Lê CL trình bày: Ông Long có thửa đất số 5, diện tích 710,2m², tờ bản đồ số 3, loại đất ở và trồng cây lâu năm. Nguồn gốc đất là của cha ruột là ông Lê Văn Lụa tặng cho ông Long vào năm 2018. Liên kề với đất của ông Long là đất của bà Đỗ NY, ranh đất giữa hai bên được phân định là trụ ranh đầu và trụ ranh cuối, khi bà Ý cất nhà thì ông Long đi làm ăn xa không có ở nhà, khi ông Long về sử dụng thửa đất số 5 thì nhà của bà Ý đã ở trên đất áng hết trụ ranh đầu và trụ ranh cuối nên ông không phân biệt được là bà Ý có lấn qua đất của ông không. Năm 2019 ông Long có chuyển nhượng một phần thửa số 5 diện tích 272m² cho chị Quỳnh (phần đất giáp với trụ ranh phía bà Ý) và khi đo đạc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho chị Quỳnh thì ông mới phát hiện nhà của bà Ý cất lấn quan phần đất ông đã bán cho chị Quỳnh và chị Quỳnh đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 954 nên ông không có ý kiến.

Ông Văn CH trình bày: Thống nhất với lời trình bày của bà Đỗ NY.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 53/2022/DS-ST ngày 07 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện LH, tỉnh Vĩnh Long đã xử:

Căn cứ khoản 9 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, 147, 157, 165, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 100, 166, 167 và Điều 203 Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 2 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đỗ NQ về việc buộc bà Đỗ NY trả lại chị Quỳnh giá trị phần đất lấn chiếm 21m² thuộc thửa đất số 954, tờ bản đồ số 3, diện tích 272m² loại đất trồng cây lâu năm, tọa lạc ấp PL, xã PH, huyện LH, tỉnh Vĩnh Long, với giá 3.000.000 đồng/m², bằng số tiền là 63.000.000 đồng (sáu mươi ba triệu đồng). Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí khảo sát đo đạc, định giá, án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng

cáo của các đương sự theo luật định.

Ngày 15/7/2022, nguyên đơn chị Đỗ NQ có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm với nội dung: Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét sửa bản án dân sự sơ thẩm số 53/2022/DS-ST ngày 07/7/2022 của Tòa án nhân dân huyện LH, tỉnh Vĩnh Long, theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đỗ NQ đối với bà Đỗ NY phải trả lại 21m² đất trồng cây lâu năm, theo đúng diện tích mà bà Đỗ NQ đã mua là 272m² và được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Long cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bà Trương TA đại diện của chị Đỗ NQ trình bày:

Đồng ý với kết quả đo đạc theo trích đo bản đồ địa chính khu đất của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Long đối với diện tích đất tranh chấp là 21,3m². Phần diện tích 21,3m² là thuộc thửa 954, tờ bản đồ số 3, diện tích 272m² đất trồng cây lâu năm do bà Đỗ NQ đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Long cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 29/4/2020. Chị Quỳnh nhận chuyển nhượng phần đất này là để làm lối đi vào đất của gia đình bà An ở phía trong, chị Quỳnh là con bà An. Khi chuyển nhượng thì ông Long có nói đã thống nhất với bà Ý là ranh thẳng nên phía chị Quỳnh không có thỏa thuận với bà Ý. Vì gia đình bà An và bà Ý có mâu thuẫn từ hơn 20 năm nay.

Nay yêu cầu bà Đỗ NY phải trả lại phần đất 21,3m², do bà Ý đã xây nhà lấn chiếm phần đất này nên nếu không di dời tài sản thì phải trả giá trị đất theo giá thị trường theo biên bản định giá của Hội đồng định giá tại cấp phúc thẩm là 2.303.300 đồng/m² đất trồng cây lâu năm.

Ông Văn HT đại diện cho bà Đỗ NY trình bày: Đồng ý với kết quả đo đạc theo trích đo bản đồ địa chính khu đất của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Long đối với diện tích đất tranh chấp là 21,3m². Năm 2020 chị Đỗ NQ nhận chuyển nhượng một phần thửa số 5 của ông Long và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 954, khi chị Quỳnh nhận chuyển nhượng đất thì có đo đạc nhưng bà Ý không hay biết và không xác định ranh đất với bà Ý. Trước đây khi đo Valp thì giữa bà Ý và ông Lừa đã thống nhất ranh như hiện trạng là ranh cong. Không đồng ý theo yêu cầu của chị Quỳnh.

Bà Đỗ NY đại diện cho ông Văn CH trình bày: Ông Hoàng là chồng bà Ý, ông Hoàng thống nhất với ý kiến của bà Ý.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và người tham gia tố tụng: Tất cả đều tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử phúc thẩm.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, sửa bản án sơ thẩm về diện tích đất.

Về án phí: Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Nguyên đơn phải chịu chi phí đo đạc, định giá tài sản.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ được thể hiện tại hồ sơ được thẩm tra tại phiên tòa; Trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ; ý kiến trình bày của các đương sự; Căn cứ vào kết quả tranh luận và phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Đơn kháng cáo ngày 15/7/2022 của chị Đỗ NQ là còn trong hạn theo quy định tại khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ông Lê CL chết ngày 11/11/2022 nên Tòa án đưa người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Lê CL gồm có: Ông Lê VL, bà Võ TĐ, bà Đỗ Thị DC và anh Lê QC. Ông Lừa, bà Được, bà Chi có đơn xin vắng mặt, anh Cường vắng mặt không lý do nên sẽ được giải quyết vắng mặt theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Đơn khởi kiện ngày 19/01/2021 chị Đỗ NQ tranh chấp với bà Đỗ NY diện tích 24m². Tại cấp phúc thẩm, bà Trương TA đại diện theo ủy quyền của chị Quỳnh yêu cầu xem xét, thẩm định, đo đạc, định giá phần đất tranh chấp. Căn cứ vào trích đo bản đồ địa chính khu đất của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Long thì phần đất theo xác định ranh của bà Trương TA đại diện cho chị Đỗ NQ gồm các mốc 1,2,7,8,1 có tổng diện tích 267m² = (245,7m² + 21,3m²). Trong đó có 245,7m² gồm các mốc 1,2,10,9,7,8,1 thuộc thửa 954 (tư liệu Vlap) do bà Đỗ NQ đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Theo xác định ranh của ông Văn HT đại diện cho bà Đỗ NY gồm các mốc 2,3,4,5,6,7,9,10,2 có tổng diện tích 230,5m² = (209,2m² + 21,3m²). Trong đó có 209,2m² gồm các mốc 2,3,4,5,6,7,2 thuộc các thửa 3028+3030+3032 (tư liệu CTĐ) do bà Đỗ NY đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Phần đất tranh chấp ranh đất giữa nguyên đơn với bị đơn là 21,3m² gồm các mốc 2,7,9,10,2. Trên đó có nhà tường, nền xin măng, mái tol do bà Đỗ NY đang quản lý, sử dụng. Do hình thể có biến động và đo đạc trên 02 tư liệu khác nhau (bà Đỗ NQ được cấp giấy chứng nhận theo tư liệu Vlap, bà Đỗ NY được cấp giấy chứng nhận theo tư liệu CTĐ) nên Sở Tài nguyên và Môi trường không có cơ sở để xác định phần đất tranh chấp thuộc thửa nào, do ai đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Biên bản định giá tài sản ngày 14/10/2022 thì phần đất tranh chấp có giá thị trường là 3.018.300 đồng đối với đất ở và 2.303.300 đồng đối với đất vườn.

[2.2] Công văn số 279/STNMT ngày 17/01/2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Long phúc đáp công văn số 652/CV-TA của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long như sau:

Nguồn gốc thửa số 5, tờ bản đồ số 3, diện tích 710,4m² đất ở và đất trồng

cây lâu năm, ông Lê VL được Ủy ban nhân dân huyện LH cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 31/12/2014; Ngày 03/10/2018, ông Lê VL và bà Võ TH lập hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất cho ông Lê CL; Ngày 15/10/2018, ông Lê CL được Sở Tài nguyên và Môi trường cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số 5 tờ bản đồ số 3, diện tích 710,4m² đất ở và đất trồng cây lâu năm. Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Lê CL là thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo Điều 79 Nghị định 43/2014/NĐ-CP, ngày 15/5/2014 của Chính Phủ. Do ông Lê CL nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất trọn thửa số 5 nên không thực hiện đo đạc địa thực tế.

Ngày 20/4/2020, ông Lê CL làm đơn đề nghị tách thửa, hợp thửa đất từ thửa 5 tách thành 2 thửa (gồm thửa 954, diện tích 272m² và thửa 955, diện tích 438,4m²). Ngày 20/4/2020, ông Long lập hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho bà Đỗ NQ tách thửa 5 (thửa 954), diện tích 272m² đất trồng cây lâu năm. Ngày 29/4/2020, bà Đỗ NQ được Sở Tài nguyên và Môi trường cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 954, tờ bản đồ số 3, diện tích 272m² đất trồng cây lâu năm, tọa lạc tại xã PH, huyện LH. Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Đỗ NQ là thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo Điều 79 Nghị định 43/2014/NĐ-CP, ngày 15/5/2014 của Chính Phủ. Trước khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Đỗ NQ không tiến hành khảo sát đo đạc thực tế.

Các thửa đất bà Đỗ NY đứng tên giấy chứng nhận gồm các thửa: 3032, tờ bản đồ số 2, diện tích 125,5m²; thửa 3030, tờ bản đồ số 2, diện tích 52,4m² và thửa 3028, tờ bản đồ số 2, diện tích 56,2m² theo bản đồ địa chính chính quy ghi nhận thuộc thửa 23 (chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) và một phần thửa 560, tờ bản đồ số 3.

[2.3] Như vậy, căn cứ vào giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của chị Đỗ NQ thửa 954 và bà Đỗ NY thửa 3032, 3030, 3028 với diện tích đo đạc thực tế (tính cả phần tranh chấp 21,3m²) thì chị Quỳnh giảm 5m² (272m² - 267m²) và bà Ý giảm 3,6m² (234,1m² - 230,5m²) nên không có căn cứ chứng minh là bà Ý lấn qua ranh đất của chị Quỳnh. Mặt khác, phần đất thửa 954 là ông Lê CL nhận chuyển nhượng từ ông Lê VL và chị Đỗ NQ nhận chuyển nhượng từ ông Lê CL nhưng đều không tiến hành khảo sát đo đạc thực tế nên không có sự thống nhất của chủ đất giáp ranh là bà Ý. Căn cứ trích đo bản đồ địa chính khu đất thì nguyên đơn và bị đơn thống nhất trụ ranh hai đầu đất, hình thể phần đất tranh chấp là đường cong về phía thửa 954. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 954 của chị Quỳnh là đường thẳng nhưng khi chị Quỳnh nhận chuyển nhượng đất của ông Lê CL thì chỉ xác định ranh ở hai đầu thửa đất giáp với bà Ý mà không kéo xuôi để xác định bà Ý có lấn ranh hay không. Chị Quỳnh mua phần đất này là để làm lối đi vào phần đất nhà gia đình chị Quỳnh. Phần đất 21,3m² đang tranh chấp là có nhà chính của bà Ý xây dựng khoảng năm 1996, nhà sau xây dựng khoảng năm 2011, nhà tiền chế xây dựng khoảng năm 2015. Bà Ý xây dựng nhà là tồn tại đã lâu nhưng ông Lừa và ông Long cũng không tranh chấp. Đến khi chị Quỳnh nhận chuyển nhượng của ông Long cũng không tranh chấp do không có đo đạc thực tế nên yêu cầu của chị Quỳnh là không có căn cứ chấp nhận.

Do đó, cấp sơ thẩm giải quyết là có căn cứ, đúng thực tế và đúng quy định của pháp luật. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị Đỗ NQ. Do tại cấp phúc thẩm có thay đổi diện tích đất tranh chấp nên sửa bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện LH, tỉnh Vĩnh Long.

[3] Xét đề nghị của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long là có căn cứ chấp nhận.

[4] Về án phí:

- Án phí sơ thẩm: Chị Đỗ NQ phải nộp 2.453.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Chị Đỗ NQ đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí, theo biên lai thu số 0006417 ngày 20/01/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện LH nên được trừ qua, chị Quỳnh còn phải nộp tiếp tiền án phí là 2.153.000đ (hai triệu một trăm năm mươi ba ngàn đồng).

- Án phí phúc thẩm: Do sửa án nên chị Đỗ NQ không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Trả cho chị Đỗ NQ đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí, theo biên lai thu tiền số 0004148 ngày 18/7/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện LH.

[5] Về chi phí tố tụng: Chị Đỗ NQ phải chịu chi phí đo đạc, định giá tại cấp phúc thẩm là 4.161.000 đồng. Chị Quỳnh đã nộp đủ số tiền này nên không phải nộp nữa.

[6] Những quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Không chấp nhận đơn kháng cáo của chị Đỗ NQ. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 53/2022/DS-ST, ngày 07 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện LH, tỉnh Vĩnh Long, về phần diện tích đất và án phí.

Căn cứ Điều 26, 35, 39, 147, 157, 165, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ Điều 175 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 100, 166, 167, 203 Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ khoản 3 Điều 26; khoản 2 Điều 27; khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đỗ NQ về việc buộc bà Đỗ NY trả lại cho chị Quỳnh giá trị phần đất 21,3m², gồm các mốc 2,7,9,10,2 (kèm theo trích đo bản đồ địa chính khu đất ngày 12/12/2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Long), tọa lạc ấp PL, xã PH, huyện LH, tỉnh Vĩnh Long, với giá 2.303.300 đồng x 21,3m² = 49.060.000 đồng.

2. Về án phí:

- Án phí sơ thẩm: Chị Đỗ NQ phải nộp 2.453.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Chị Đỗ NQ đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí, theo biên lai thu số 0006417 ngày 20/01/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện LH nên được trừ qua, chị Quỳnh còn phải nộp tiếp tiền án phí là 2.153.000đ (hai triệu một trăm năm mươi ba ngàn đồng).

- Án phí phúc thẩm: Do sửa án nên chị Đỗ NQ không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Trả cho chị Đỗ NQ đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí, theo biên lai thu tiền số 0004148 ngày 18/7/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện LH.

3. Về chi phí tố tụng: Chị Đỗ NQ phải chịu chi phí đo đạc, định giá tại cấp phúc thẩm là 4.161.000 đồng. Chị Quỳnh đã nộp đủ số tiền này nên không phải nộp nữa.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải chịu thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án.

5. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao: 01;
- VKSND tỉnh Vĩnh Long: 02;
- Chánh án: 01;
- TAND huyện LH: 01;
- THADS huyện LH: 01;
- Các đương sự;
- Lưu: 06.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Dũng

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thành Đăng

Phạm Trường Thọ

Nguyễn Văn Dũng

